

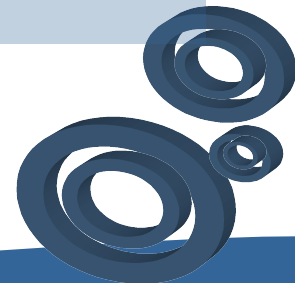
Trường đại học ngân hàng TP.HCM
Khoa kế toán – kiểm toán
Bộ môn kế toán

BÀI GIẢNG
Môn: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

GV: Dương Nguyễn Thanh Tâm

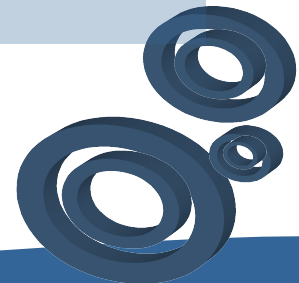
Môn NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

- Số tín chỉ: 03
- Đánh giá SV: thang điểm 10
 - Quá trình học: 30%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
 - + Chuyên cần: 10%
 - Thi hết học phần: 70%



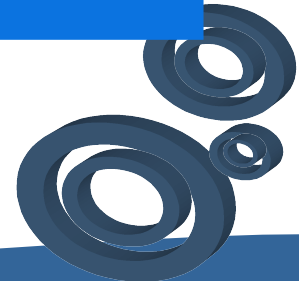
TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Giáo trình chính:
Nguyên lý kế toán (Lý thuyết, bài tập, bài giải)
– Trường đại học ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
NXB thống kê 2007
- Nguyên lý kế toán – Trường đại học Kinh tế
Tp. Hồ Chí Minh.
- Luật kế toán.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

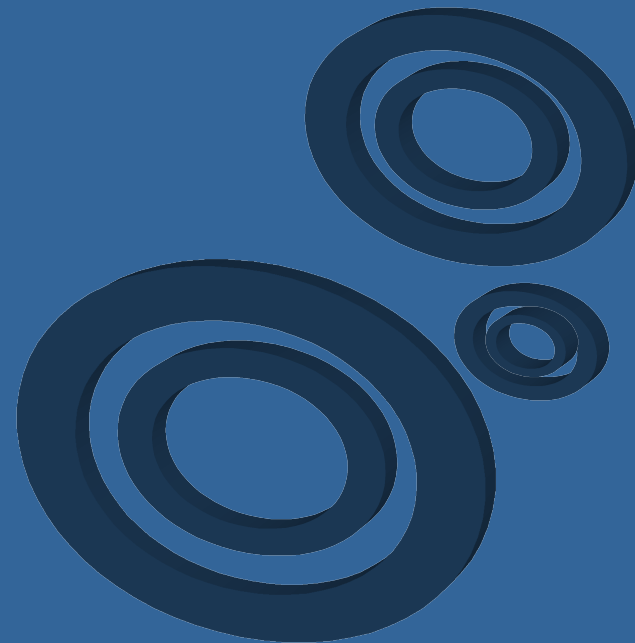


NỘI DUNG MÔN HỌC

- Chương 1: Bản chất, đối tượng của kế toán
- Chương 2: Chứng từ kế toán và kiểm kê tài sản
- Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép
- Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán
- Chương 5: Tổng hợp – Cân đối kế toán
- Chương 6: Kế toán quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu của đơn vị sản xuất
- Chương 7: Sổ kế toán và hình thức kế toán
- Chương 8: Tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán



Chương 1:
BẢN CHẤT – ĐỐI TƯỢNG
CỦA KẾ TOÁN



CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT – ĐỐI TƯỢNG CỦA KẾ TOÁN

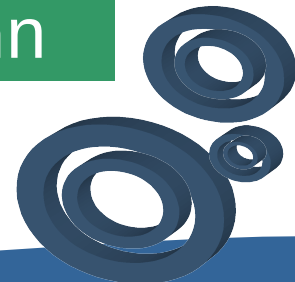
I. Bản chất của kế toán

II. Chức năng của kế toán và yêu cầu đối với thông tin kế toán

III. Đối tượng của kế toán

IV. Hệ thống phương pháp kế toán

V. Các quy định-nguyên tắc kế toán cơ bản



I. BẢN CHẤT CỦA KẾ TOÁN

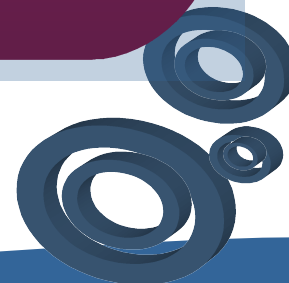
1.1. Công việc của kế toán

1.2. Khái niệm về kế toán



1.1 Công việc của kế toán

- ① **Ghi chép** dữ liệu về tình hình hoạt động của một tổ chức (Ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh)
- ② **Phân loại, sắp xếp** các dữ liệu đã ghi nhận theo một trật tự nhất định bằng các phương pháp kế toán.
- ③ **Tổng hợp** các chỉ tiêu cần thiết cho công tác quản lý.
- ④ **Cung cấp** thông tin phục vụ cho các đối tượng có liên quan dưới dạng các báo cáo tài chính



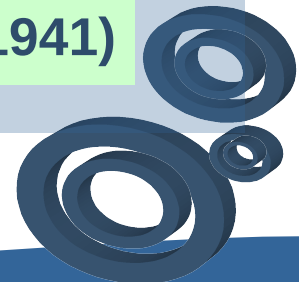
1.2 Khái niệm về kế toán

“Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động”.

(Điều 4 – Luật kế toán)

“Kế toán là nghệ thuật ghi chép, phân loại và tổng hợp một cách có ý nghĩa dưới hình thức tiền tệ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và giải trình kết quả ghi chép này”.

(Viện kế toán công chứng mỹ - 1941)



II. Chức năng của kế toán và yêu cầu đối với thông tin kế toán

2.1 Chức năng của kế toán

2.2 Nhiệm vụ của kế toán

2.3 Yêu cầu đối với thông tin kế toán



2.1 Chức năng của Kế toán

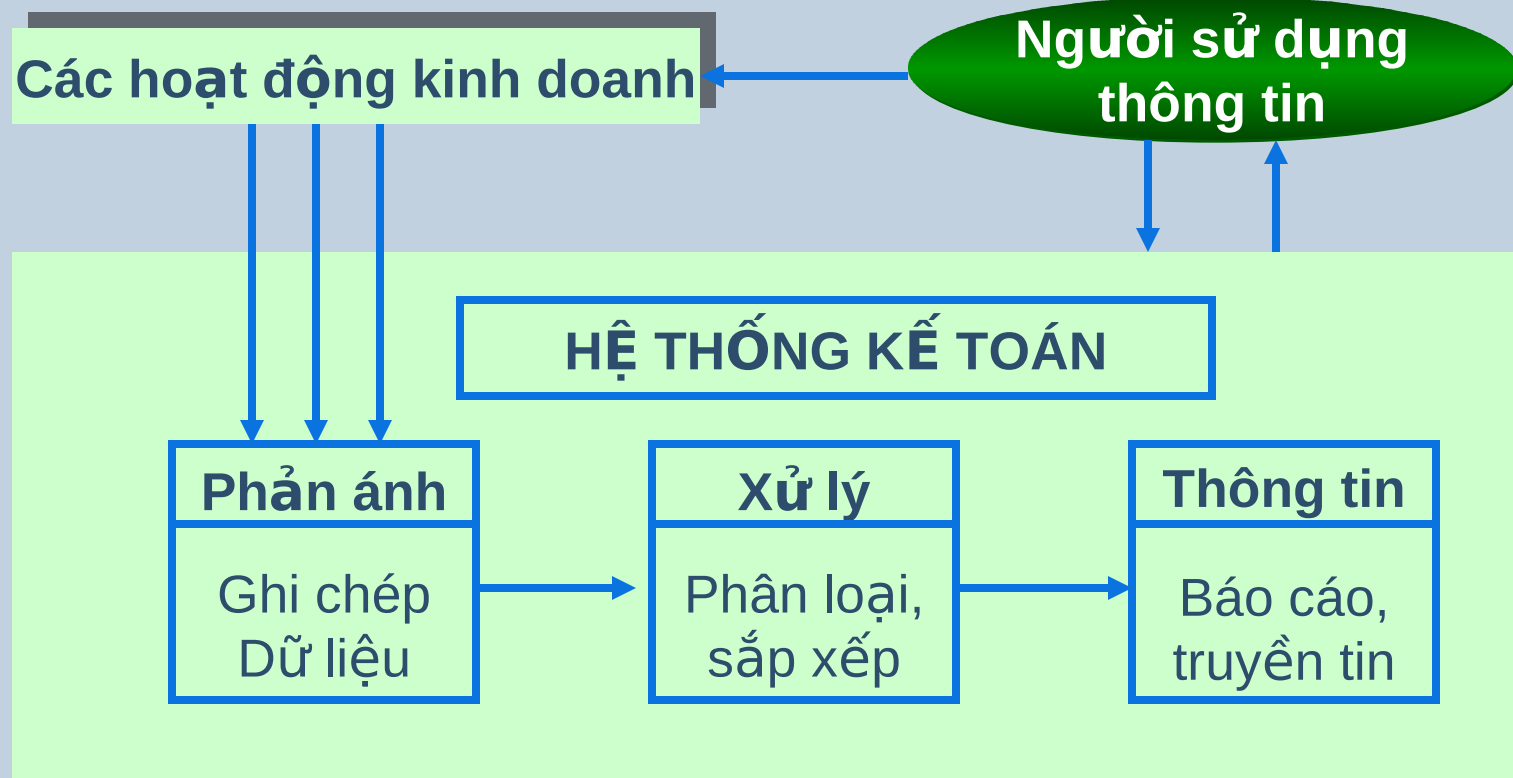
Cung cấp thông tin

- Tình hình tài chính
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thông tin bổ sung

Kiểm tra

- Tính trung thực, hợp lý của thông tin
- Tình hình chấp hành chính sách, chế độ kế toán của Nhà nước

2.1 Chức năng của Kế toán



2.1 Chức năng của Kế toán

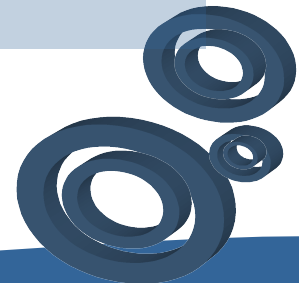
Người sử dụng
thông tin

NHÀ QUẢN TRỊ	NGƯỜI CÓ LỢI ÍCH TRỰC TIẾP	NGƯỜI CÓ LỢI ÍCH GIÁN TIẾP
<ul style="list-style-type: none">-Đánh giá kết quả-Ra quyết định kinh tế-Điều hành HĐKD	<ul style="list-style-type: none">-Đánh giá tình hình hoạt động SXKD.-Quyết định đầu tư , cho vay	<ul style="list-style-type: none">-Tổng hợp số liệu-Đề ra chính sách, luật lệ ...

2.3 Yêu cầu đối với thông tin kế toán

- Trung thực
- Khách quan
- Kịp thời
- Đầy đủ
- Dễ hiểu
- Có thể so sánh được

(Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01)



III. ĐỐI TƯỢNG CỦA KẾ TOÁN

3.1 Kết cấu tài sản (Tài sản)

3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)

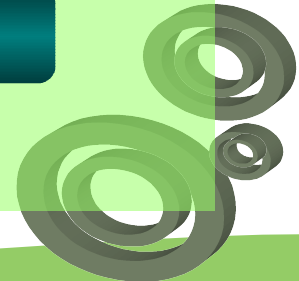
3.3 Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

3.1 Kết cấu tài sản (Tài sản)

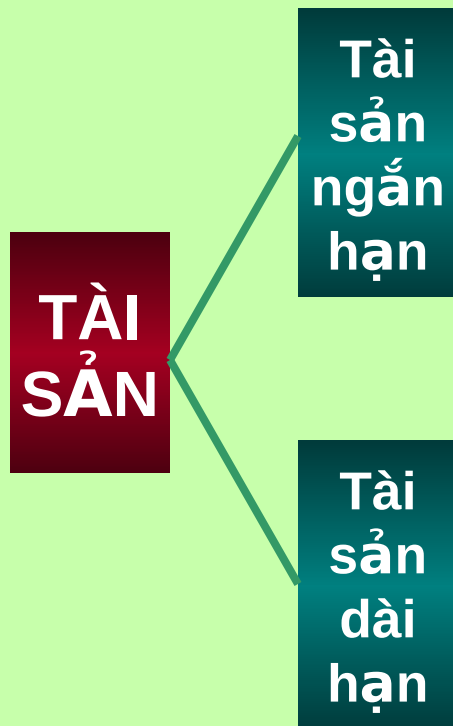
TÀI SẢN:

- Là nguồn lực kinh tế
- Do đơn vị kiểm soát
- Có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai
- Được hình thành từ giao dịch trong quá khứ
(Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01)

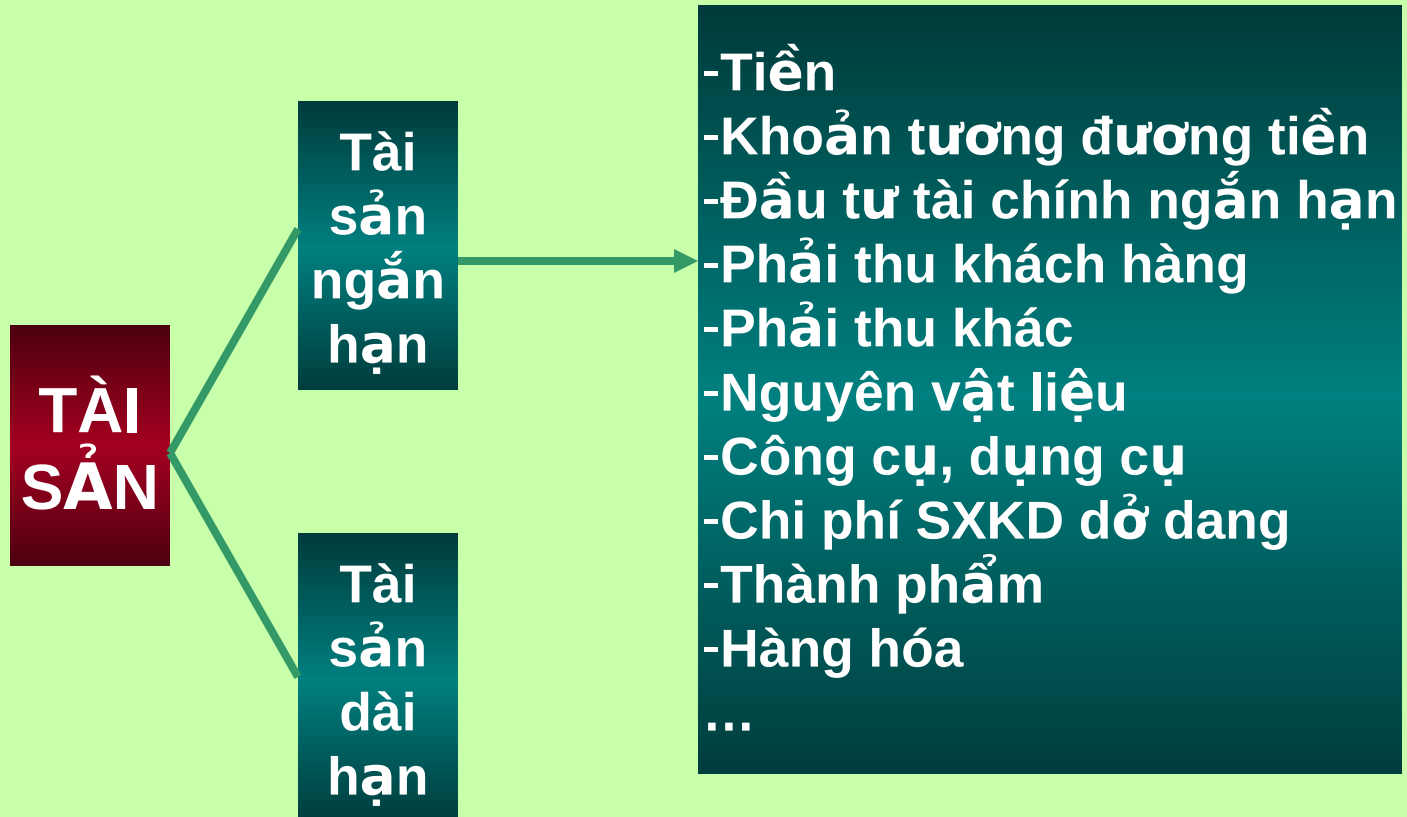
TÀI SẢN = VỐN = TÀI NGUYÊN KINH TẾ



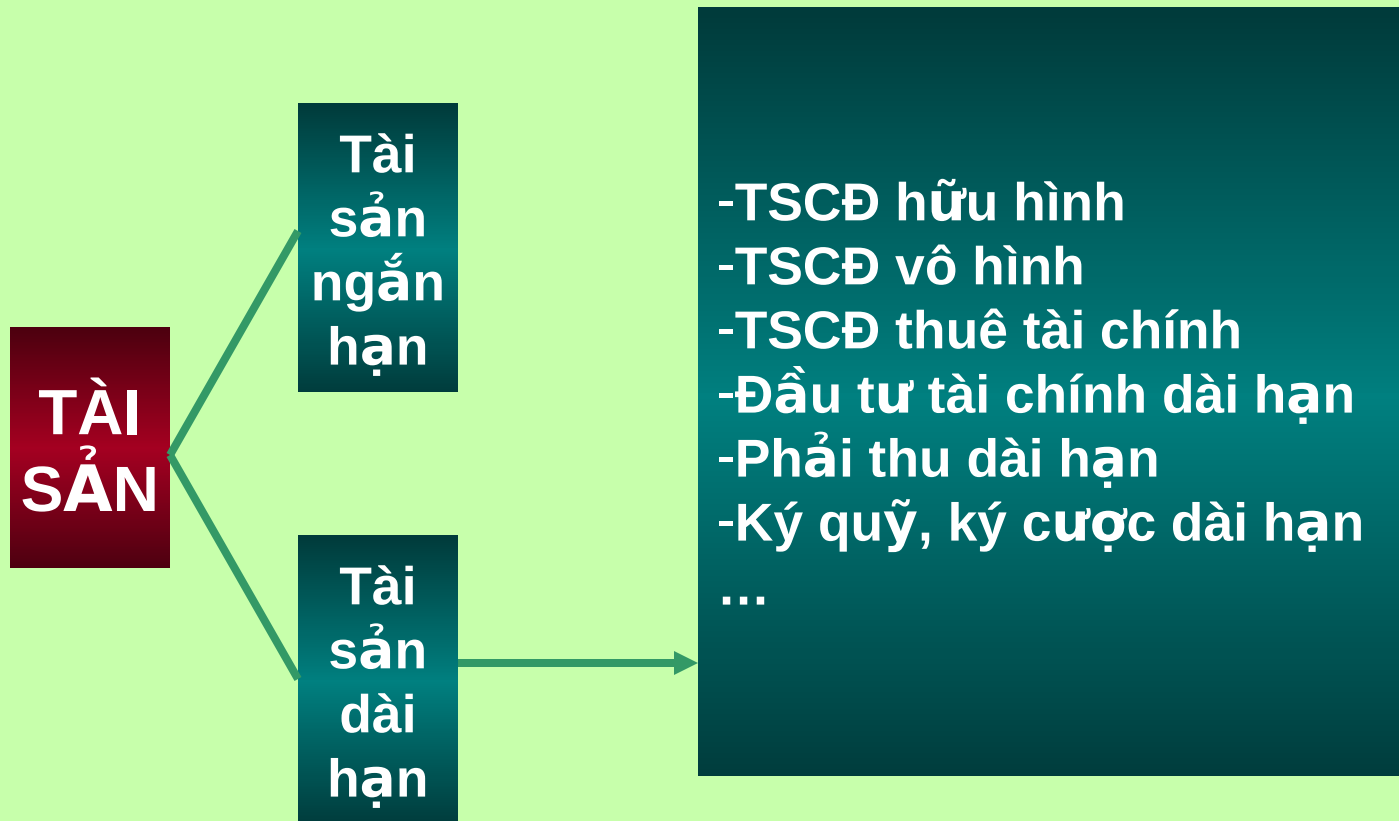
3.1 Kết cấu tài sản



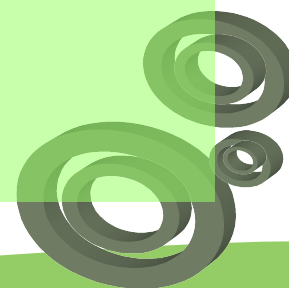
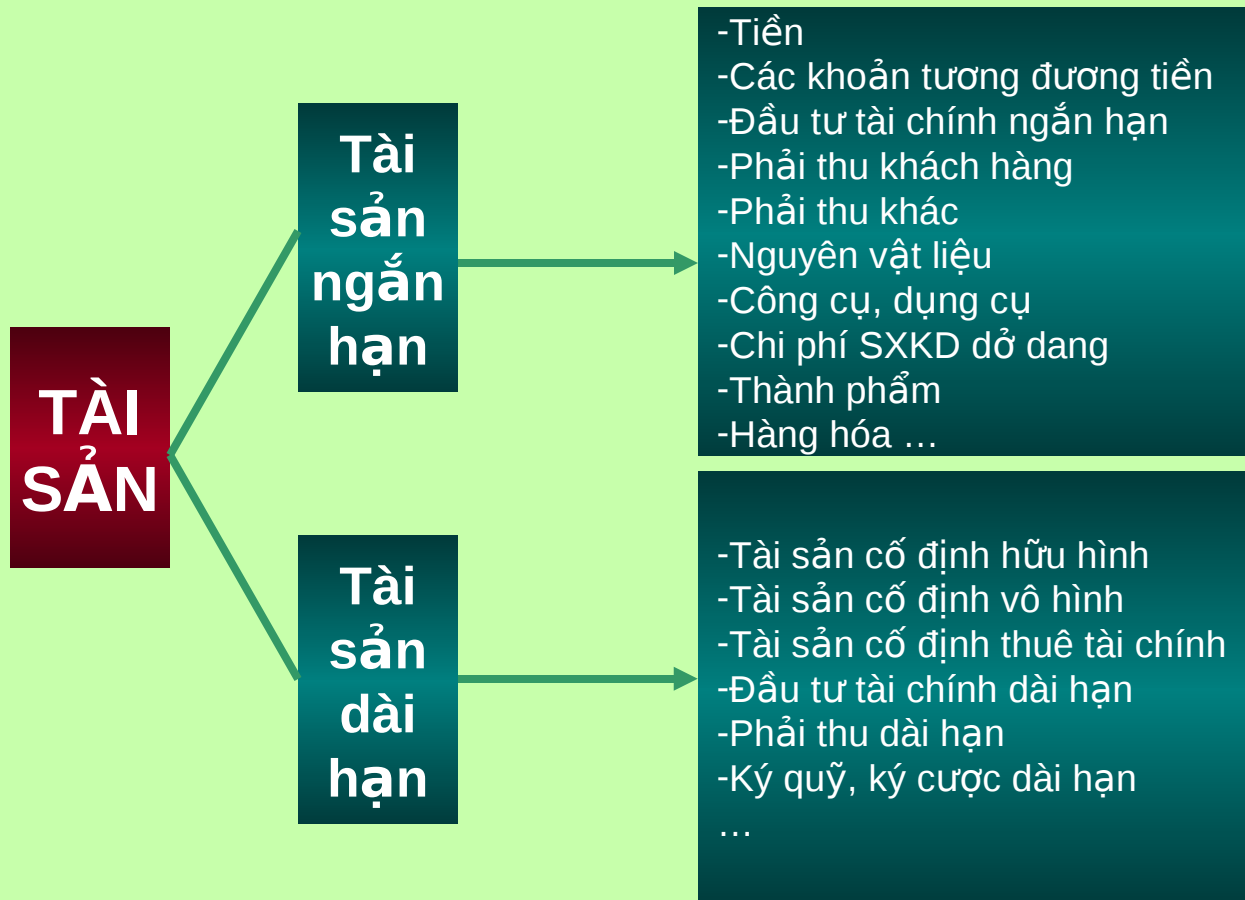
3.1 Kết cấu tài sản



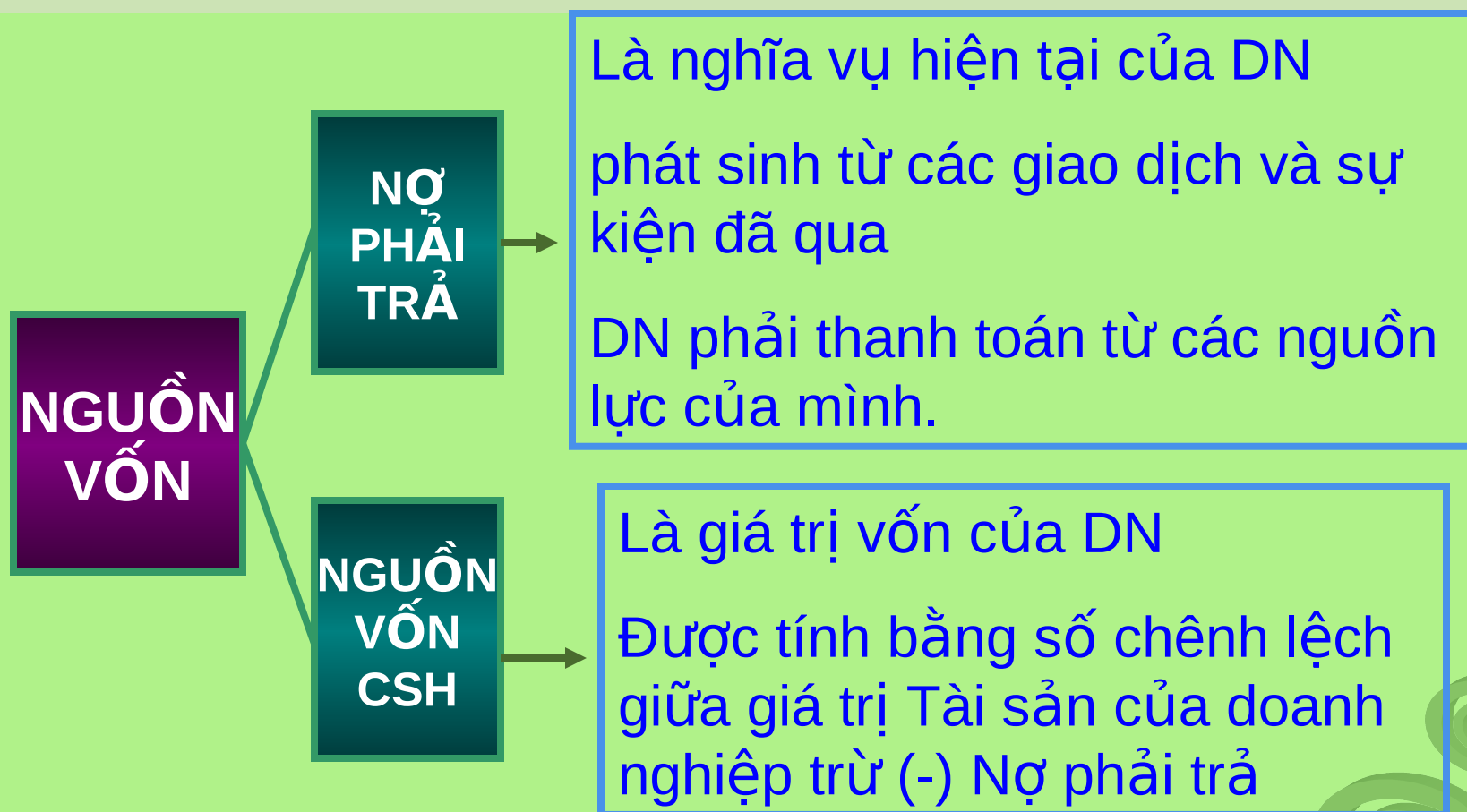
3.1 Kết cấu tài sản



3.1 Kết cấu tài sản

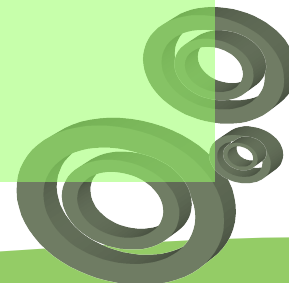
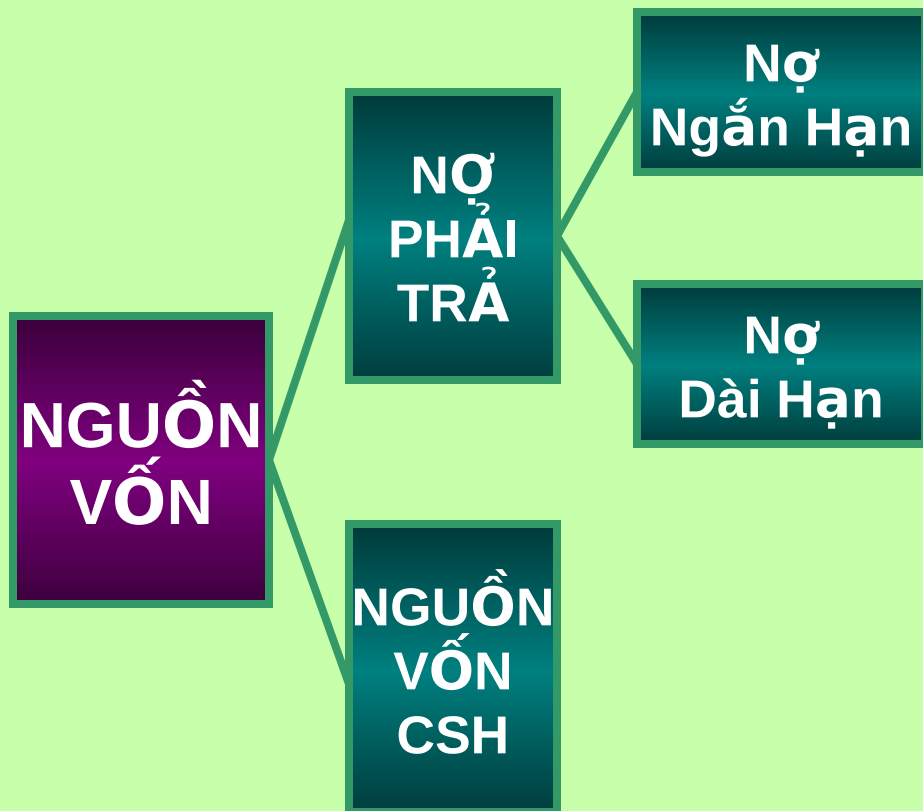


3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)

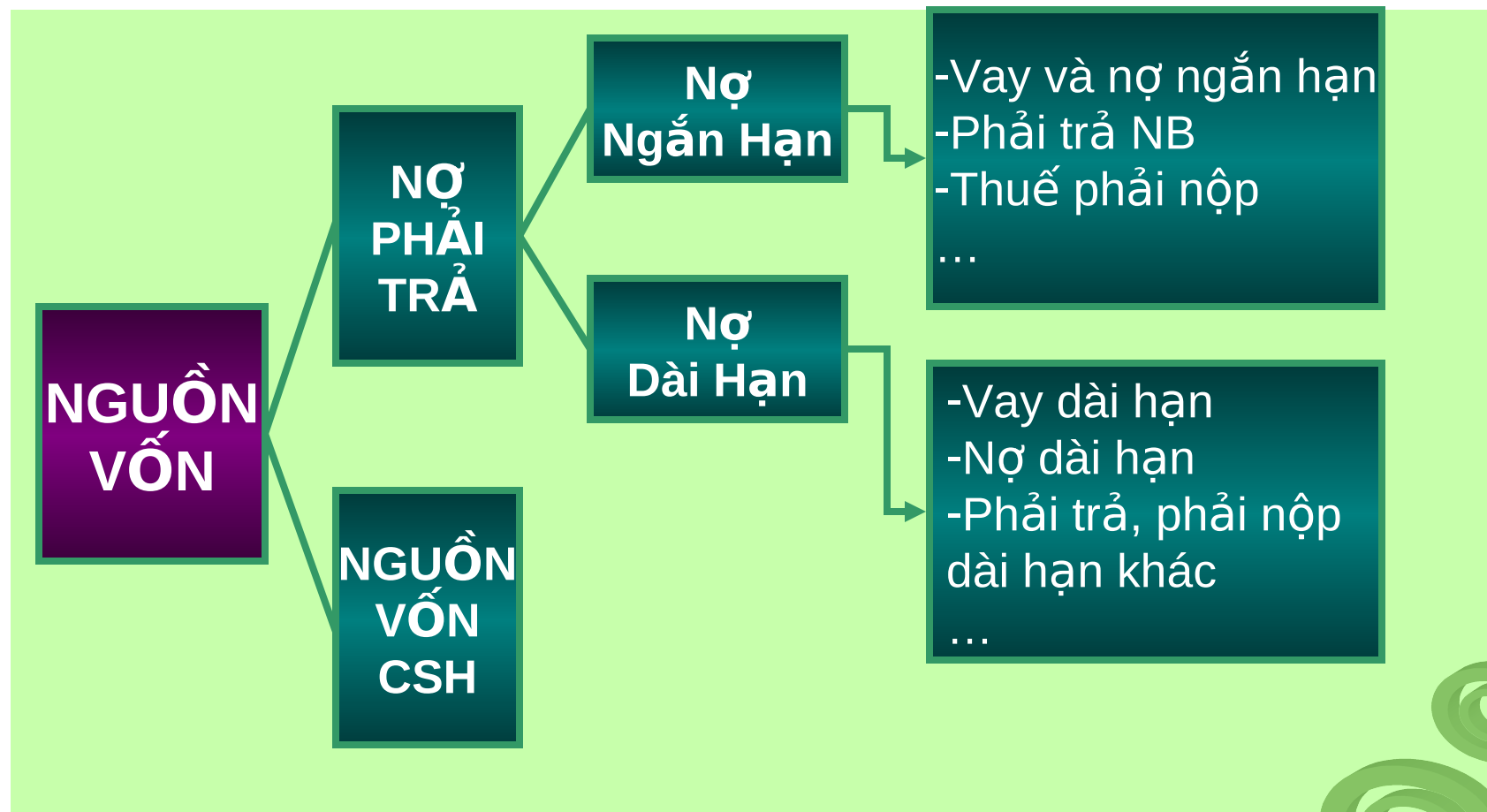


Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 01

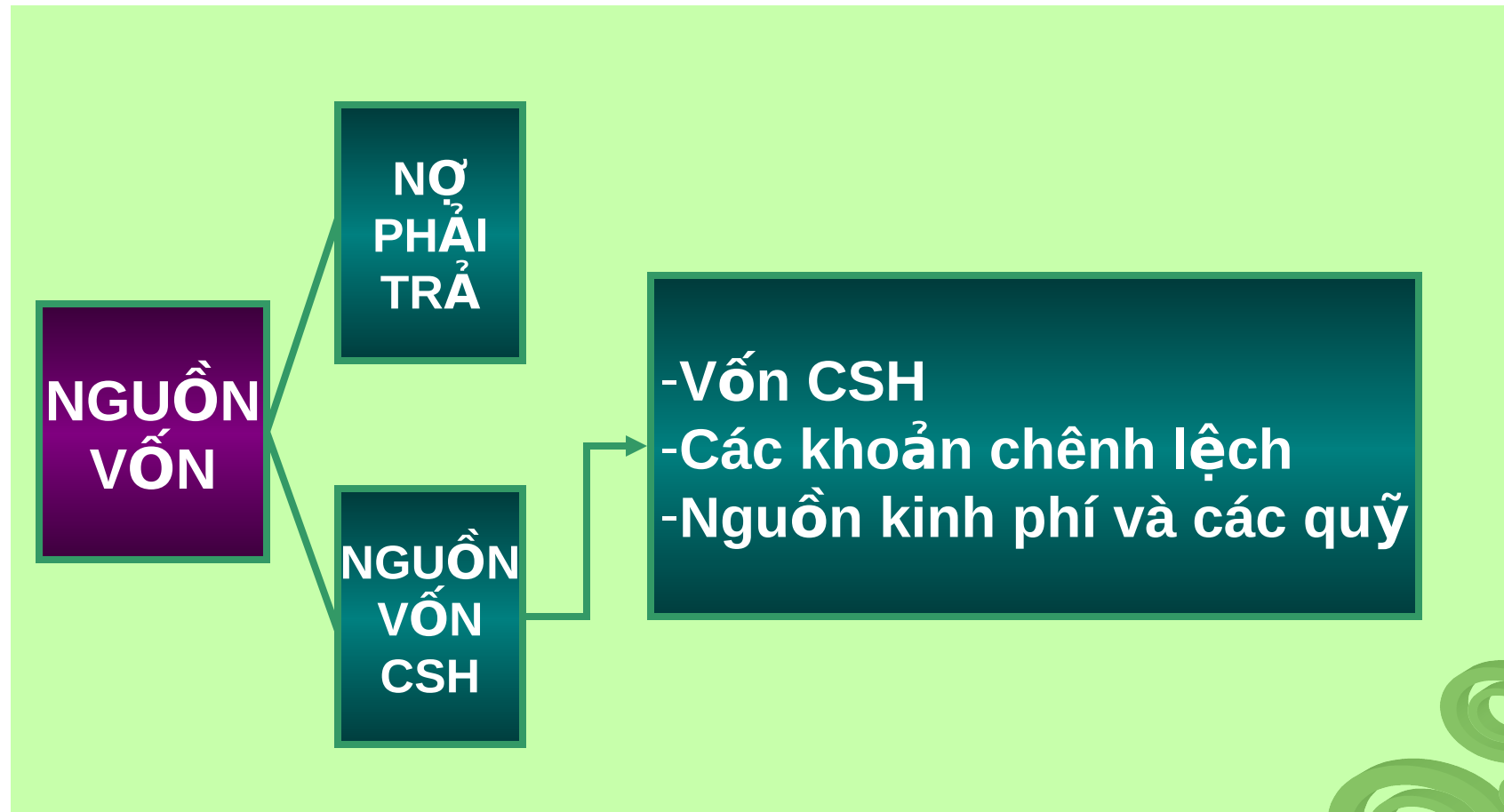
3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)



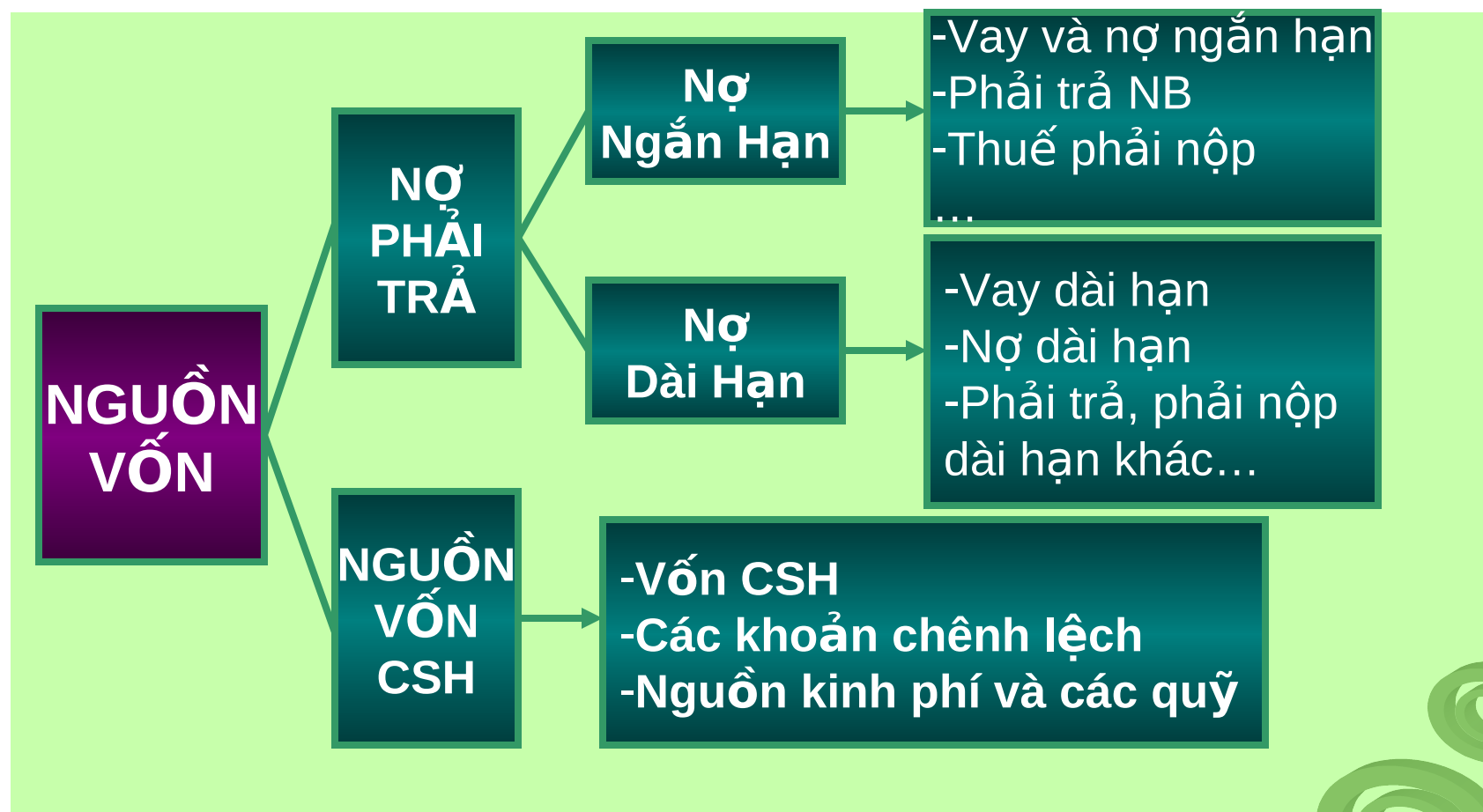
3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)



3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)



3.2 Nguồn hình thành tài sản (Nguồn vốn)

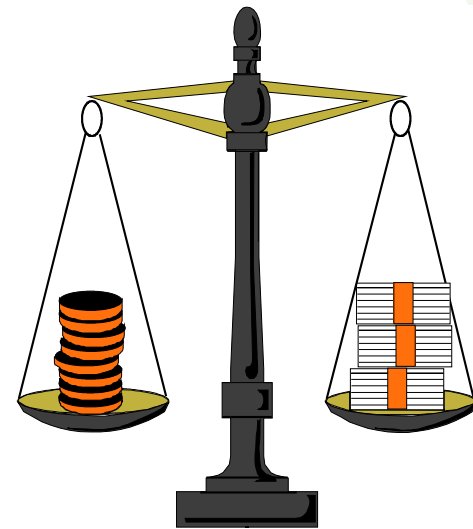


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

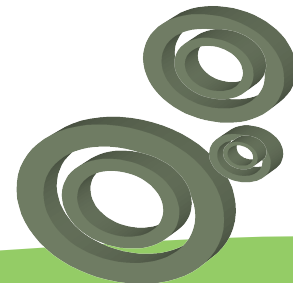
TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
A. Tài sản ngắn hạn I. Tiền và các khoản tương đương tiền II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn III. Các khoản phải thu IV. Hàng tồn kho V. Tài sản ngắn hạn khác	A. Nợ phải trả I. Nợ ngắn hạn II. Nợ dài hạn
B. Tài sản dài hạn I. Các khoản phải thu dài hạn II. Tài sản cố định III. Bất động sản đầu tư IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn V. Tài sản dài hạn khác	B. Vốn chủ sở hữu I. Vốn chủ sở hữu II. Nguồn kinh phí và các quỹ
Tổng cộng tài sản	Tổng cộng nguồn vốn

3.3 Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn

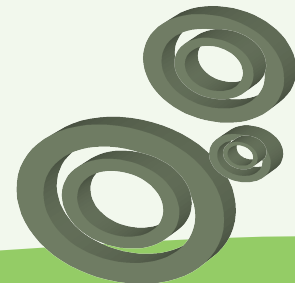
- ∇ $\sum \text{Tài sản} = \sum \text{Nguồn vốn}$
- ∇ $\sum \text{Nguồn vốn} = \text{Nợ phải trả} + \text{Vốn CSH}$
- ∇ $\sum \text{Tài sản} = \text{Nợ phải trả} + \text{Vốn CSH}$
- $\text{Vốn CSH} = \sum \text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả}$



Ví dụ về lập bảng cân đối kế toán



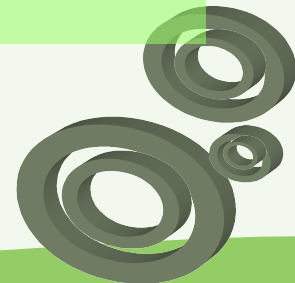
IV. Hệ thống phương pháp kế toán



V. Các quy định và nguyên tắc kế toán cơ bản

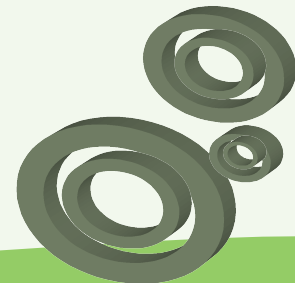
5.1 Các quy định đối với công tác kế toán

5.2 Các nguyên tắc kế toán cơ bản



5.1 Các quy định đối với công tác kế toán

- **Đơn vị kế toán:** là nơi diễn ra các hoạt động về kiểm soát tài sản, tiến hành các công việc thu nhận, xử lý, tổng hợp báo cáo và cung cấp thông tin.
- Là các tổ chức được hình thành theo pháp luật Nhà nước quy định.



5.1 Các quy định đối với công tác kế toán

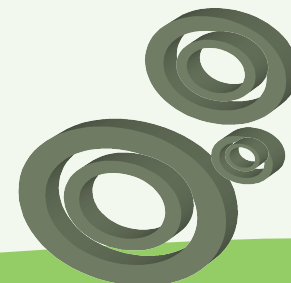
Đơn vị tính sử dụng trong kế toán:

➤ Đơn vị tiền tệ:

- Là đồng Việt Nam (đ, VNĐ)
- Nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh là ngoại tệ: ghi theo nguyên tệ và VNĐ theo tỷ giá hối đoái thực tế hoặc quy đổi theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố

➤ Đơn vị tính khác:

- Đơn vị hiện vật, đơn vị thời gian lao động



5.1 Các quy định đối với công tác kế toán

Kỳ kế toán:

Là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc ghi sổ, khoá sổ kế toán để lập báo cáo

- Kỳ kế toán năm: 12 tháng từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch
- Kỳ kế toán quý: 3 tháng, tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý
- Kỳ kế toán tháng: 1 tháng



- DN mới thành lập
- DN khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động, phá sản, giải thể
- Kỳ KT năm đầu tiên hoặc năm cuối cùng ngắn hơn 90 ngày



5.2 Các nguyên tắc kế toán cơ bản

- ① Cơ sở dồn tích
- ② Hoạt động liên tục
- ③ Giá gốc
- ④ Phù hợp
- ⑤ Nhất quán
- ⑥ Thận trọng

(Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01)

